TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phước
2. Bà Nguyễn Thuỳ Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thuỵ Thuỳ Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Thanh Tiền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1993;
Địa chỉ: số H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Bị đơn: Lâm Hữu N1, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân*:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lâm Hữu N1 chung sống với nhau vào tháng 7 năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/9/2023. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống đầm ấm hạnh phúc đến tháng 12 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau nên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị N không còn tình cảm với anh N1 nên yêu cầu được ly hôn anh Lâm Hữu N1.

- Về con chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Hữu N1 đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N và vắng mặt trong suốt quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ kiện.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lâm Hữu N1 không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lâm Hữu N1.
- Về con chung: chị N trình bày không có nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày không có nên không xem xét.
- Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Lâm Hữu Nl tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lâm Hữu N1 có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lâm Hữu N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Hữu N1 theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lâm Hữu N1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nghĩa l hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị N và anh N1 chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, chị N và anh N1 đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Nay chị N không còn tình cảm với anh N1 nên yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Hữu N1.

Quá trình giải quyết vụ kiện, nhiều lần Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng yêu cầu anh N1 đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N1 tự khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, không đến Tòa án tham gia hoà giải và cũng không có bất kỳ ý kiến nào mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị N. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, lý do chị N đưa ra để yêu cầu ly hôn với anh Nghĩa l có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Lâm Hữu N1.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung*:* Chị N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3]. Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Lâm Hữu N1.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002263 ngày 20/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C (chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).

- Về quyền kháng cáo*:* nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lâm Hữu N1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện C;
- THA DS huyện C;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thiêm